TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Trọng Dĩu**

Bà Phạm Thị Quyên.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2025/LHST ngày 06/01/2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nguyệt L, sinh năm 1978. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1968. (Có mặt)

HKTT: Số 37 B11 Tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, phường NĐ, Thành phố HN.

Hiện trú tại: Phòng 308 B6, Tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, phường NĐ, Thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Nguyệt L trình bày:***

Về tình cảm: Tôi và anh Ngô Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/4/2002 tại UBND phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy,

Thành phố Hà Nội. Tôi và anh Ngô Văn N chung sống hạnh phúc đến năm 2012. Từ năm 2013 trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, gay gắt. Đặc biệt khoảng năm 2014 anh N có dùng vũ lực đối với tôi. Tôi và anh N ly thân từ 2013 cho đến nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Tôi cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngô Văn N.

Về con chung: Tôi và anh Ngô Văn N có 02 con chung là cháu Ngô Trần Linh N (nữ), sinh ngày 02/01/2003 và cháu Ngô Trần Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/11/2008. Khi ly hôn, tôi mong muốn được nuôi cháu Ngô Trần Ngọc K và yêu cầu anh Ngô Văn N cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Cháu Ngô Trần Linh N đã trên 18 tuổi, ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi và anh Ngô Văn N không cho ai vay nợ, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp tiền án phí ly hôn.

Ngoài những nội dung trên chị Trần Thị Nguyệt L không có yêu cầu nào khác.

**** Tại phiên tòa bị đơn - anh Ngô Văn N trình bày:*** Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng. Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ khoảng năm 2012, anh học cao học tại Trường Nguyễn Ái Quốc, chị L có nghi ngờ anh ngoại tình và từ đó chị L không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm đến gia đình nhà chồng. Vì vậy, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau. Anh không đồng ý ly hôn vì con chung đã lớn, cần có bố mẹ. Tuy nhiên, trường hợp chị L quyết tâm ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Trần Linh N (nữ), sinh ngày 02/01/2003 và cháu Ngô Trần Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/11/2008. Khi ly hôn, chị L mong muốn được nuôi cháu Ngô Trần Ngọc K và yêu cầu anh Ngô Văn N cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Anh N đồng ý để chị L nuôi cháu Ngô Trần Ngọc K và đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi. Cháu Ngô Trần Linh N đã trên 18 tuổi, ở với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản: Tại phiên tòa anh đề nghị Tòa chia tài sản chung vợ chồng là căn hộ chung cư Phòng 308 B6, Tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, phường NĐ, Thành phố HN.

Về nợ: Anh và chị L không cho ai vay nợ, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Nguyệt L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử, Thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Vụ án thụ lý ngày 06/01/2025, nhưng ngày 08/8/2025 vụ án mới đưa ra xét xử nên có sự vi phạm thời hạn giải quyết.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Nguyệt L đối với anh Ngô Văn N. Giao cho chị Trần Thị Nguyệt L trực tiếp nuôi 01 con chung là cháu Ngô Trần Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/11/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Ngô Văn N phải cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi. Về tài sản, vay nợ, chị Trần Thị Nguyệt L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua thẩm vấn công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Ngô Văn N hiện đang sinh sống tại phòng 308 B6 Tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, phường NĐ, Thành phố HN. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội theo điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nguyệt L và anh Ngô Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm ngày 12/4/2002 tại UBND phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời trình bày của các đương sự, bà Lê Thị H (mẹ đẻ chị L), cháu Ngô Trần Linh N và cháu Ngô Trần Ngọc K, qua xác minh tình trạng hôn nhân tại tổ dân phố nơi chị L và anh N sinh sống thể hiện: Từ năm 2013, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Tuy chị L và anh N vẫn sống cùng nhà nhưng cả hai không còn nói chuyện, quan tâm đến nhau, anh chị sống ly thân từ 2013 cho tới nay. Nhận thấy giữa chị L và anh N có mâu thuẫn sâu sắc, không thể hòa giải được. Mặt khác, anh N được tòa án triệu tập đến tòa để tham gia hòa giải nhưng anh N không đến thể hiện không thiện chí hòa giải. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N là phù hợp với thực trạng

quan hệ hôn nhân của anh chị, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Nguyệt L và anh Ngô Văn N có 02 con chung là cháu Ngô Trần Linh N (nữ), sinh ngày 02/01/2003 và cháu Ngô Trần Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/11/2008. Hiện hai cháu đang ở cùng chị L và anh N tại phòng 308 B6 Tập thể Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, phường NĐ, Thành phố HN. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Ngô Trần Ngọc K và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu K là 5.000.000đ/tháng.

Nhận thấy, chị Trần Thị Nguyệt L có chỗ ở và thu nhập ổn định, nguyện vọng xin nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của chị và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngô Trần Ngọc K. Mặt khác, tại phiên tòa, anh N đồng ý chị L nuôi cháu K và đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng, do vậy cần chấp nhận.

[5] Về tài sản: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Trần Thị Nguyệt L trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, tòa án đã triệu tập anh N đến tòa hòa giải và trình bày ý kiến, nhưng anh N không đến và không có ý kiến trình bày, không có đề nghị, yêu cầu giải quyết về tài sản. Tại phiên tòa, anh N mới có yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu này của anh N tại phiên tòa. Anh N có quyền yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng tại vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về nợ: Chị L và anh N trình bày anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; 235; 244; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Nguyệt L đối với anh Ngô Văn N. Chị Trần Thị Nguyệt L được ly hôn với anh Ngô Văn N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Nguyệt L và anh Ngô Văn N có 02 con chung là cháu Ngô Trần Linh N (nữ), sinh ngày 02/01/2003 và cháu Ngô Trần Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/11/2008. Giao chị Trần Thị Nguyệt L trực tiếp nuôi cháu Ngô Trần Ngọc K. Anh Ngô Văn N phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Ngô Trần Ngọc K đủ 18 tuổi. Cháu Ngô Trần Linh N đã trên 18 tuổi, ở với ai do cháu tự quyết định, nên Tòa án không xét.

Anh Ngô Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. **Về tài sản (động sản, bất động sản)**: Chị Trần Thị Nguyệt L không yêu cầu nên tòa không giải quyết.

4. Về nợ: Chị Trần Thị Nguyệt L, anh Ngô Văn N không vay nợ ai, không cho ai vay nợ không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

5. **Về án phí**: Chị Trần Thị Nguyệt L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0046853 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị Nguyệt L và anh Ngô Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND khu vực 4
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn